

THÔNG TƯ

Quy định tiêu chuẩn, điều kiện thi hoặc xét thăng hạng; nội dung, hình thức và việc xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;

Sau khi thống nhất với Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư quy định tiêu chuẩn, điều kiện thi hoặc xét thăng hạng; nội dung, hình thức và việc xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về tiêu chuẩn, điều kiện thi hoặc xét thăng hạng; nội dung, hình thức và việc xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức các chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật, chăn nuôi và thú y, kiểm nghiệm thủy sản, khuyến nông, quản lý bảo vệ rừng (sau đây gọi là chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Thông tư này không áp dụng xét thăng hạng đối với viên chức giữ mã ngạch công chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn. Viên chức giữ mã ngạch công chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn thăng hạng thông qua hình thức thi theo quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

Chương II
TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN VÀ HỒ SƠ DỰ THI HOẶC
XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC

Điều 3. Tiêu chuẩn, điều kiện dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp

1. Được cơ quan, đơn vị quản lý viên chức quyết định cử dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

2. Viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn được đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp khi có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (sau đây gọi là Nghị định số 115/2020/NĐ-CP);

b) Đáp ứng yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đăng ký dự thi theo quy định tại: Thông tư liên tịch số 36/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật; Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chăn nuôi và thú y; Thông tư liên tịch số 38/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm nghiệm thủy sản; Thông tư số 18/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành khuyến nông, chuyên ngành quản lý bảo vệ rừng; Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn;

3. Đang giữ chức danh nghề nghiệp ở hạng dưới liền kề tương ứng với chức danh nghề nghiệp đăng ký dự thi thăng hạng.

Điều 4. Tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Viên chức đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện tại Điều 3 Thông tư này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

1. Đối với viên chức dự xét thăng hạng từ hạng III lên hạng II phải đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn hạng II và đáp ứng yêu cầu điểm quy đổi kết quả hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ đạt tối thiểu 3,0 điểm trở lên quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Đối với viên chức dự xét thăng hạng từ hạng IV lên hạng III phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn hạng III.

Điều 5. Hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

1. Đối với hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đáp ứng quy định tại Điều 36 của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ và bản sao các văn bản: Quyết định tuyển dụng, quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp; quyết định nâng bậc lương gần nhất; quyết định công nhân sáng kiến; quyết định (hoặc giấy xác nhận của cấp có thẩm quyền) phân công chủ trì hoặc tham gia xây dựng, thực hiện nhiệm vụ (không bao gồm việc tham gia góp ý dự thảo, mời làm chuyên gia và đóng góp ý kiến trong các hội nghị, hội thảo).

2. Đối với hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này và kết quả thực hiện nhiệm vụ hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ đã được cấp có thẩm quyền công nhận hoặc ban hành, có điểm quy đổi đạt tối thiểu 3,0 điểm trở lên quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương III

TỔ CHỨC XÉT THĂNG HẠNG VÀ XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN TRONG KỲ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC

Điều 6. Tổ chức xét thăng hạng

1. Việc xét thăng hạng được thực hiện thông qua Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn theo quy định tại Điều 34, Điều 37, Điều 38 của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

2. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng III lên hạng II

a) Thẩm định hồ sơ của viên chức dự xét thăng hạng đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 4 và khoản 2 Điều 5 Thông tư này;

b) Tính điểm quy đổi kết quả hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của viên chức dự xét thăng hạng theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; trong đó kết quả, hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ được quy đổi tính điểm phải có nội dung phù hợp với chuyên ngành, phù hợp với vị trí việc làm mà viên chức đảm nhiệm trong thời gian viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng III.

3. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III

Thẩm định hồ sơ của viên chức dự xét thăng hạng đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện tại Điều 4 và quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

Điều 7. Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

1. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng khi có kết quả theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này.

2. Viên chức trúng tuyển xét thăng hạng từ hạng III lên hạng II lấy theo thứ tự điểm kết quả, thành tích hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ quy đổi từ cao xuống thấp trong số lượng chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được giao của từng chuyên ngành.

3. Trường hợp viên chức xét đạt thăng hạng có số điểm bằng nhau (đối với hạng III lên hạng II) hoặc số người đáp ứng tiêu chuẩn chức danh viên chức (đối với hạng IV lên hạng III) nhiều hơn chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được giao của từng chuyên ngành, Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau:

- a) Viên chức thuộc đối tượng người có công với cách mạng;
- b) Viên chức là nữ;
- c) Viên chức là người dân tộc thiểu số;
- d) Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);
- đ) Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn (có đóng bảo hiểm xã hội nhiều hơn).

4. Nếu vẫn không xác định được người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có văn bản trao đổi với người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức và quyết định người trúng tuyển theo đề nghị của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức.

5. Viên chức không được bảo lưu kết quả cho các kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp lần sau.

6. Thông báo kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức

a) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc việc xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức về kết quả xét; đồng thời công khai trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và gửi thông báo bằng văn bản tới cơ quan, đơn vị cử viên chức dự xét về điểm xét thăng hạng để thông báo cho viên chức được biết;

b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông báo kết quả xét thăng hạng, viên chức dự xét có quyền gửi đơn đề nghị phúc khảo kết quả xét thăng hạng. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có trách nhiệm thành lập Ban phúc khảo và tổ chức xét phúc khảo; việc công bố kết quả xét phúc khảo chậm nhất 15 ngày kể từ ngày hết thời hạn nhận đơn phúc khảo theo quy định;

c) Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày công bố kết quả xét phúc khảo, Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển;

d) Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức có trách nhiệm thông báo kết quả xét và danh sách viên chức trúng tuyển bằng văn bản tới cơ quan, đơn vị cử viên chức tham dự kỳ xét thăng hạng.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2023.

2. Thông tư này bãi bỏ Thông tư số 34/2016/TT-BNNPTNT ngày 23/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức thi, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi dẫn chiếu mới đó.

Điều 9. Trách nhiệm thi hành

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Vụ Tổ chức cán bộ) để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Công báo; Website Chính phủ; Cơ sở dữ liệu Quốc gia về văn bản pháp luật;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- UBND, Sở Nội vụ và Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ NN và PTNT: Bộ trưởng, Thứ trưởng và các đơn vị thuộc Bộ;
- Cổng thông tin điện tử của Bộ NN và PTNT;
- Lưu: VT, Vụ TCCB.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Hoàng Hiệp

Phụ lục

**CÁCH TÍNH ĐIỂM QUY ĐỔI KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ
XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH
NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỪ HẠNG III LÊN HẠNG II**

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023 /TT-BNNPTNT ngày / /2023
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

STT	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ ĐƯỢC TÍNH ĐIỂM QUY ĐỔI	ĐIỂM
I	Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; tiêu chuẩn kỹ thuật quy chuẩn kỹ thuật; quy trình quy phạm hướng dẫn; định mức kinh tế - Kỹ thuật được Thủ trưởng cơ quan đơn vị cử tham gia và đã được cấp có thẩm quyền ban hành (tính cho 01 sản phẩm)	
1	Chủ trì soạn thảo, xây dựng	3,0 điểm
2	Tham gia soạn thảo, xây dựng	1,0 điểm
II	Xây dựng chương trình, đề án, dự án, phương án kỹ thuật, phác đồ, tài liệu, ấn phẩm hướng dẫn, tổng kết đánh giá, điều tra khảo sát về chuyên môn nghiệp vụ được lãnh đạo đơn vị sự nghiệp công lập phân công, được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc ban hành (tính cho 01 sản phẩm)	
1	Chủ trì soạn thảo, xây dựng	2,0 điểm
2	Tham gia soạn thảo, xây dựng	1,0 điểm
III	Thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ từ cấp cơ sở trở lên thuộc lĩnh vực chuyên ngành đã được nghiệm thu từ mức đạt trở lên (tính cho 01 sản phẩm)	
1	Chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp quốc gia	5,0 điểm
2	Thành viên tham gia thực hiện Đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp quốc gia	2,0 điểm
3	Chủ trì, chủ nhiệm Đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp bộ, tỉnh	3,0 điểm
4	Thành viên tham gia thực hiện Đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp bộ, tỉnh	1,5 điểm
5	Chủ trì, chủ nhiệm Đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ cơ sở	1,0 điểm
6	Tham gia Đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ cơ sở	0,5 điểm
IV	Sáng kiến trong hoạt động chuyên môn nghiệp vụ trong thời gian giữ chức danh viên chức hạng III được cấp có thẩm quyền công nhận (tính cho 01 sáng kiến)	
1	Sáng kiến cấp Bộ hoặc cấp tỉnh	3,0 điểm
2	Sáng kiến cấp cơ sở	0,5 điểm